

Đồng Hới, ngày 02 tháng 5 năm 2024.

Số: 12/2024/QĐST- KDTM

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 24 tháng 4 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 01/2024/TLST - KDTM ngày 31/01/2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Đ (B1); địa chỉ: T, số A T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội; đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T – Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đ; đơn vị được uỷ quyền khởi kiện và tham gia toàn bộ quá trình tố tụng: Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Q (B1); đại diện theo pháp luật của B1: Ông Phan Thanh B – Giám đốc (theo Quyết định số 963/QĐ-BIDV ngày 25/10/2021 của Người đại diện theo pháp luật Ngân hàng TMCP Đ về việc “ủy quyền tham gia tố tụng”); đại diện theo uỷ quyền lại: Ông Hà Đức T1 – Cán bộ B1 (theo Quyết định số 759/QĐ-BIDV.QB ngày 20/4/2023 về việc “ủy quyền tham gia tố tụng”); địa chỉ: Số A đường H, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH MTV B2; địa chỉ đăng ký kinh doanh: Số H H, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; đại diện theo pháp luật: Ông Mai Tuấn N – Chức vụ: Giám đốc; đại diện theo uỷ quyền: Ông Mai Anh T2, sinh năm: 1986; địa chỉ: Số A đường P, tổ dân phố C, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Mai Thị L, sinh năm: 1964; địa chỉ: Số A đường P, TDP C, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, đại diện theo uỷ quyền: Ông Mai Anh T2, sinh năm: 1986; địa chỉ: Số A đường P, tổ dân phố C, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

2. Ông Mai Anh T2, sinh năm: 1986; địa chỉ: Số A đường P, tổ dân phố C, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

3. Ông Mai Tuấn A, sinh năm: 1992; địa chỉ: Số A đường P, tổ dân phố C, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Anh T2, sinh năm: 1986; địa chỉ: Số A đường P, tổ dân phố C, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về tiền gốc và lãi: Căn cứ Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/2635599/HĐTD ngày 11/12/2018; Các Hợp đồng tín dụng cụ thể gồm: Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.04/2019/2635599/HĐTD ngày 25/6/2019; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.02/2019/2635599/HĐTD ngày 21/6/2019; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.03/2019/2635599/HĐTD ngày 24/6/2019; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.03/2018/2635599/HĐTD ngày 18/2/2019. Công ty TNHH MTV B2 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền tính đến ngày 24/4/2024 là: 24.174.073.466 đồng (trong đó: tiền gốc: 11.645.267.700 đồng; lãi trong hạn: 829.737.210 đồng; lãi quá hạn: 9.885.717.577 đồng; lãi chậm trả áp dụng với nợ lãi chậm trả: 1.813.350.979 đồng).

2.2. Thời hạn trả số tiền gốc và lãi: Hai bên đương sự thỏa thuận, thống nhất Công ty TNHH MTV B2 sẽ thanh toán số tiền gốc và số tiền lãi bao gồm tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi phạt trên vào ngày 15/5/2024 cho Ngân hàng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án lập Biên bản hòa giải thành là ngày 25/4/2024, Công ty TNHH MTV B2 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/2635599/HĐTD ngày 11/12/2018; Các Hợp đồng tín dụng cụ thể gồm: Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.04/2019/2635599/HĐTD ngày 25/6/2019; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.02/2019/2635599/HĐTD ngày 21/6/2019; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.03/2019/2635599/HĐTD ngày 24/6/2019; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.03/2018/2635599/HĐTD ngày 18/2/2019 giữa Ngân hàng TMCP Đ và Công ty TNHH MTV B2 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ vay.

2.3. Về tài sản thế chấp bảo đảm cho khoản vay:

Trường hợp Công ty TNHH MTV B2 vi phạm thời hạn của trả nợ thì được coi như vi phạm toàn bộ thỏa thuận thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền tự xử lý hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án áp dụng các biện pháp cần thiết để kê biên, xử lý tài sản thuộc quyền sở hữu của bà Mai Thị L, ông Mai Anh T2, ông Mai Tuấn A đang thế chấp đảm bảo cho khoản vay để thu hồi nợ cho Ngân hàng, cụ thể như sau:

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 95, tờ bản đồ số 141; địa chỉ: Tổ dân phố D, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; diện tích 205,7m² (Đất ở tại đô thị 171,9m², đất trồng cây lâu năm 33,8m²). Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 329606, số vào sổ cấp GCN: CS13579 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 23/3/2021, mang tên bà Mai Thị L. Tài sản thế chấp cho Ngân hàng TMCP Đ căn cứ theo: Hợp đồng

thế chấp bất động sản số 02/2022/2635599/HĐBĐ ngày 06/9/2022 được công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thanh X, số công chứng 7768, quyền số 09/2022/TP/CC-SCC/HĐGD; đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình ngày 06/9/2022.

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 94, tờ bản đồ số 141; địa chỉ: Tổ dân phố C, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; diện tích 266,5m² (Đất ở tại đô thị 187,0m², đất trồng cây lâu năm 79,5m²). Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 329602, số vào sổ cấp GCN: CS13567 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 22/02/2021, mang tên bà Mai Thị L. Tài sản thế chấp cho Ngân hàng TMCP Đ căn cứ theo: Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2022/2635599/HĐBĐ ngày 06/9/2022 được công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thanh X, số công chứng 7769, quyền số 09/2022/TP/CC-SCC/HĐGD; đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình ngày 06/9/2022.

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 98, tờ bản đồ số 123; địa chỉ: Phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; diện tích 148m² (Đất trồng cây hàng năm khác). Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 749446, số vào sổ cấp GCN: CH00179 do Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp ngày 12/5/2010, mang tên ông Mai Anh T2. Tài sản thế chấp cho Ngân hàng TMCP Đ căn cứ theo: Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2016/5033743/HĐBĐ ngày 24/11/2016 được công chứng tại Văn phòng C1, số C, quyền số 02 TP/CC-SCC/HĐGD; đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình ngày 25/11/2016.

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 413, tờ bản đồ số 9; địa chỉ: C T, phường C, quận P, thành phố Hồ Chí Minh; diện tích 49,6m² (Đất ở tại đô thị); tài sản trên đất: Loại nhà ở: Nhà ở riêng lẻ; diện tích xây dựng: 49,6m², diện tích sàn 216,0m². Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 725382, số vào sổ cấp GCN: CS 00437 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố H cấp ngày 24/3/2017, mang tên ông Lê Uyên P, bà Lưu Thị Bích C (ông Lê Uyên P là đồng sở hữu và là đại diện cho những người cùng sử dụng đất và cùng sở hữu tài sản gắn liền với đất gồm ông Nguyễn Thanh H, bà Võ Thị Kim N1) các ông bà trên chuyển nhượng cho ông Mai Tuấn A ngày 21/8/2017. Tài sản thế chấp cho Ngân hàng TMCP Đ căn cứ theo: Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/2635599/HĐBĐ ngày 27/11/2017 được công chứng tại Văn phòng C2 Thành phố Hồ Chí Minh, số công chứng 025030, quyền số 11; đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận P, thành phố Hồ Chí Minh ngày 28/11/2017.

Trường hợp các tài sản bảo đảm trên không đủ để thanh toán các khoản nghĩa vụ của Công ty TNHH MTV B2 thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của Công ty TNHH MTV B2 để thanh toán nợ tại Ngân hàng TMCP Đ.

2.4. Về chi phí tố tụng: Công ty TNHH MTV B2 tự nguyện chịu toàn bộ chi phí thẩm định và thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền 12.000.000 đồng.

2.4. Về án phí:

- Công ty TNHH MTV B2 thỏa thuận chịu toàn bộ án phí tranh chấp kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền 66.087.036 đồng (*Sáu mươi sáu triệu, không trăm tám bảy nghìn, không trăm ba sáu đồng*) để sung quỹ Nhà nước.

- Ngân hàng TMCP Đ (B1) không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả lại cho TMCP Đầu tư và P1 (B1) số tiền tạm ứng án phí đã nộp 65.941.000 đồng (*Sáu mươi lăm triệu, chín trăm bốn mươi một nghìn đồng chẵn*) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/23, số 0001052 ngày 31/01/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Đồng Hới.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh QB;
- VKSND TP Đồng Hới;
- Chi cục THADSTP Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết Minh